

Bảng tổng hợp kết quả thử nghiệm chất lượng nước các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn Tháng 03 năm 2025

ST T	Tên công trình	Ngày lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Coliform	E.Coli	Asen (As)	Clo dư (Cl ₂)	Độ đục	Màu sắc	Mùi, vị		pH	Chỉ số Permanganat	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)
				CFU/ 100ml	CFU/ 100ml	mg/L	mg/L	NTU	TCU				mg/L	mg/L
			Giới hạn cho phép	< 3	< 1	0,01	0,2 - 1,0	2	15	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6 - 8,5	2	0,3
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(8)	(9)	(10)
1	Trạm CNTT Thanh Hội	14/03/2025	Trạm cấp nước xã Thanh Hội, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,65	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,28	0,8	<0,03
		14/03/2025	Hộ Nguyễn Tấn Đạt, Ấp Thanh Hòa, xã Thanh Hội, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,6	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,3	0,8	<0,03
		14/03/2025	Hộ Nguyễn Huy Cận, Ấp Thanh Hiệp, xã Thanh Hội, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,47	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,18	0,8	<0,03
2	Trạm CNTT Bạch Đằng	14/03/2025	Trạm cấp nước xã Bạch Đằng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,38	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,34	0,8	<0,03
		14/03/2025	Hộ Trần Văn Phỏ, Ấp Tân Long, xã Bạch Đằng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,32	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,33	0,8	<0,03
		14/03/2025	Hộ Tân Minh Thanh, Ấp Tân Trạch, xã Bạch Đằng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,25	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,18	0,8	<0,03
3	Trạm CNTT Lạc An	14/03/2025	Trạm cấp nước xã Lạc An, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,72	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,72	1,2	<0,03
		14/03/2025	Hộ Võ Thị Sáu, Ấp 3, xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,8	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	7	0,8	<0,03
		14/03/2025	Hộ Nguyễn Thị Tư, Ấp 2, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,74	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,71	0,8	<0,03
4	Trạm CNTT Cây Dâu	14/03/2025	Trạm cấp nước ấp Cây Dâu, xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,55	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,88	1,2	<0,03
		14/03/2025	Hộ Trần Ngọc Lan, ấp Cây Dâu, xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,5	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,85	0,8	<0,03

ST T	Tên công trình	Ngày lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Coliform	E.Coli	Asen (As)	Clo dư (Cl ₂)	Độ đục	Màu sắc	Mùi, vị		pH	Chỉ số Permanganat	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)
				CFU/ 100ml	CFU/ 100ml	mg/L	mg/L	NTU	TCU				mg/L	mg/L
			Giới hạn cho phép	< 3	< 1	0,01	0,2 - 1,0	2	15	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6 - 8,5	2	0,3
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(8)	(9)	(10)
		14/03/2025	Hộ Nguyễn Ngọc Thiên, ấp Chánh Hưng, xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,44	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,75	1,2	<0,03
5	Trạm CNTT Cây Dừng	14/03/2025	Trạm cấp nước ấp Cây Dừng, xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,62	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	7,31	0,8	<0,03
		14/03/2025	Hộ Nguyễn Văn Cu, ấp cây Dừng, xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,58	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	7,25	0,8	<0,03
		14/03/2025	Hộ Vũ Thị Hằng, ấp cây Dừng, xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,55	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	7,34	0,8	<0,03
6	Trạm CNTT Tân Lập	14/03/2025	Trạm cấp nước xã Tân Lập, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,47	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,14	0,8	<0,03
		14/03/2025	Hộ Lê Văn Bằng, Ấp 4, xã Tân Lập, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,43	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,13	0,8	<0,03
		14/03/2025	Văn phòng ấp 1, Ấp 1, xã Tân Lập, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,41	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,08	0,8	<0,03
7	Trạm CNTT Bình Mỹ	13/03/2025	Trạm cấp nước xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,34	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,32	1,2	<0,03
		13/03/2025	Hộ Trần Thị Hoa, Ấp Bào Gốc, xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,36	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,28	1,2	<0,03
		13/03/2025	Hộ Lê Ngọc Trọng, Ấp Chòi Dúng, xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,35	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,18	1,2	<0,03
8	Trạm CNTT Tân Bình	13/03/2025	Trạm cấp nước thị trấn Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,43	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,21	1,2	<0,03
		13/03/2025	Hộ Đoàn Thị Mái, khu phố 3, thị trấn Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,38	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,18	1,2	<0,03

ST T	Tên công trình	Ngày lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Coliform	E.Coli	Asen (As)	Clo dư (Cl ₂)	Độ đục	Màu sắc	Mùi, vị		pH	Chỉ số Permanganat	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)
				CFU/ 100ml	CFU/ 100ml	mg/L	mg/L	NTU	TCU				mg/L	mg/L
			Giới hạn cho phép	< 3	< 1	0,01	0,2 - 1,0	2	15	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6 - 8,5	2	0,3
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(8)	(9)	(10)
		13/03/2025	Hộ Nguyễn Tấn Tài, khu phố Cổng Xanh, thị trấn Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,41	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,16	1,2	<0,03
9	Trạm CNTT Phước Hòa	13/03/2025	Trạm cấp nước xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,58	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,45	0,8	<0,03
		13/03/2025	Hộ Trần Văn Lâu, Ấp Đồng Chính, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,52	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,42	0,8	<0,03
		13/03/2025	Hộ Đỗ Đức Bình, Ấp 1B, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,49	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,32	0,8	<0,03
10	Trạm CNTT Vĩnh Hòa	13/03/2025	Trạm cấp nước xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,33	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,06	0,8	<0,03
		13/03/2025	Hộ Trần Lê Nhật Hồng, Ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,31	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,02	0,8	<0,03
		13/03/2025	Hộ Trần Ngọc Hiếu, Ấp Trảng Sắn, xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,34	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,05	0,8	<0,03
11	Trạm CNTT Tam Lập	13/03/2025	Trạm cấp nước xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,58	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,85	1,2	<0,03
		13/03/2025	Hộ Hồ Thị Thắng, Ấp Đồng Tâm, xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,52	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,75	1,2	<0,03
		13/03/2025	Hộ Đặng Thị Giàu, Ấp Cây Khô, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,48	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,56	1,2	<0,03
12	Trạm CNTT An Bình	13/03/2025	Trạm cấp nước xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,78	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,75	<0,5	<0,03
		13/03/2025	Hộ Nguyễn Văn Sự, Ấp Bình Thắng, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,57	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,72	<0,5	<0,03

ST T	Tên công trình	Ngày lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Coliform	E.Coli	Asen (As)	Clo dư (Cl ₂)	Độ đục	Màu sắc	Mùi, vị		pH	Chỉ số Permanganat	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)
				CFU/ 100ml	CFU/ 100ml	mg/L	mg/L	NTU	TCU				mg/L	mg/L
			Giới hạn cho phép	< 3	< 1	0,01	0,2 - 1,0	2	15	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6 - 8,5	2	0,3
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(8)	(9)	(10)
		13/03/2025	Hộ Trịnh Văn Tươi, Ấp Đồng Tâm, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,38	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,58	<0,5	<0,03
13	Trạm CNTT Phước Sang	12/03/2025	Trạm cấp nước xã Phước Sang, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,75	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,11	1,2	<0,03
		12/03/2025	Hộ Lê Văn Xộn, Ấp Bến Cát, xã Phước Sang, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,69	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,16	1,2	<0,03
		12/03/2025	Hộ Trần Thị Thanh Hiền, Ấp Sa Dụp, xã Phước Sang, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,55	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,18	1,2	<0,03
14	Trạm CNTT Tân Hiệp	12/03/2025	Trạm cấp nước xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,41	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,91	0,8	<0,03
		12/03/2025	Hộ Trần Văn Hồng, Ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,39	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,89	0,8	<0,03
		12/03/2025	Hộ Giang Minh Thiện, Ấp 4, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,34	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,56	0,8	<0,03
15	Trạm CNTT An Thái	12/03/2025	Trạm cấp nước xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,75	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,57	1,2	<0,03
		12/03/2025	Hộ Bùi Minh Chuyên, Tân Thái, xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,68	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,41	0,8	<0,03
		12/03/2025	Hộ Bùi Văn Bình, Ấp 4, xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,67	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,51	1,2	<0,03
16	Trạm CNTT An Linh	12/03/2025	Trạm cấp nước xã An Linh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,47	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	7,68	1,2	<0,03
		12/03/2025	Hộ Lê Thị Thêu, Ấp 9, xã An Linh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,43	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,64	1,2	<0,03

ST T	Tên công trình	Ngày lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Coliform	E.Coli	Asen (As)	Clo dư (Cl ₂)	Độ đục	Màu sắc	Mùi, vị		pH	Chỉ số Permanganat	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)
				CFU/ 100ml	CFU/ 100ml	mg/L	mg/L	NTU	TCU				mg/L	mg/L
			Giới hạn cho phép	< 3	< 1	0,01	0,2 - 1,0	2	15	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6 - 8,5	2	0,3
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(8)	(9)	(10)
		12/03/2025	Hộ Phạm Thị Mỹ Liên, Ấp 7, xã An Linh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,65	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	7,51	1,2	<0,03
17	Trạm CNTT Tân Long	12/03/2025	Trạm cấp nước xã Tân Long, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,28	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	7,12	1,2	<0,03
		12/03/2025	Hộ Nguyễn Văn Toàn, Ấp 3, xã Tân Long, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,25	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,67	0,8	<0,03
		12/03/2025	Hộ Trần Hải Dương, Ấp Bàu Cừ, xã An Long, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,22	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,58	1,2	<0,03
18	Trạm CNTT Trừ Văn Thố	12/03/2025	Trạm cấp nước xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,41	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,61	0,8	<0,03
		12/03/2025	Hộ Trần Văn Dũng, Ấp 1, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,33	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,65	0,8	<0,03
		12/03/2025	Hộ Nguyễn Thị Tuyết Liên, Ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,38	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,48	0,8	<0,03
19	Trạm CNTT Thanh Tuyền	10/03/2025	Trạm cấp nước xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,33	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,14	<0,5	<0,03
		10/03/2025	Hộ Nguyễn Huệ Thanh, Ấp Suối Cát, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,29	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,27	<0,5	<0,03
		10/03/2025	Hộ Bùi Văn Phước, Ấp Rạch Kiến, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,24	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,12	<0,5	<0,03
20	Trạm CNTT Thanh An	10/03/2025	Trạm cấp nước xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,52	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,07	<0,5	<0,03
		10/03/2025	Hộ Nguyễn Văn Phước, Ấp Gò Mối, xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,46	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,09	<0,5	<0,03

ST T	Tên công trình	Ngày lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Coliform	E.Coli	Asen (As)	Clo dư (Cl ₂)	Độ đục	Màu sắc	Mùi, vị		pH	Chỉ số Permanganat	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)
				CFU/ 100ml	CFU/ 100ml	mg/L	mg/L	NTU	TCU				mg/L	mg/L
			Giới hạn cho phép	< 3	< 1	0,01	0,2 - 1,0	2	15	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6 - 8,5	2	0,3
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(8)	(9)	(10)
		10/03/2025	Hộ Nguyễn Thị Đẹp, Ấp Lâm Vồ, xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,45	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,02	<0,5	<0,03
21	Trạm CNTT Định Thành	10/03/2025	Trạm cấp nước xã Định Thành, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,68	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	7,44	0,8	<0,03
		10/03/2025	Hộ Phạm Văn Sùng, KP 4B-TTDT, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,48	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	7,61	0,8	<0,03
		10/03/2025	Trường Mầm non Định Thành, Ấp Núi Đất, xã Định Thành, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,55	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	7,45	0,8	<0,03
22	Trạm CNTT Định Lộc	10/03/2025	Trạm cấp nước ấp Định Lộc, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,42	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,27	0,8	<0,03
		10/03/2025	Hộ Đặng Quốc Bình, ấp Định Lộc, Xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,39	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,25	0,8	<0,03
		10/03/2025	Hộ Nguyễn Thị Lan, ấp Định Lộc, Xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,4	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,23	0,8	<0,03
23	Trạm CNTT Định Hiệp	10/03/2025	Trạm cấp nước xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,66	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,46	1,2	<0,03
		10/03/2025	Công ty TNHH Hồng Trâm Phát, Ấp Định Thọ, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,45	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,35	1,2	<0,03
		10/03/2025	Hộ Nguyễn Tiến Trung, Ấp Hiệp Thọ, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,56	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,21	1,2	<0,03
24	Trạm CNTT Minh Tân	11/03/2025	Trạm cấp nước xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,48	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,36	0,8	<0,03
		11/03/2025	Hộ Nguyễn Hữu Phương, Ấp Tân Định, xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,41	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,32	0,8	<0,03

ST T	Tên công trình	Ngày lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Coliform	E.Coli	Asen (As)	Clo dư (Cl ₂)	Độ đục	Màu sắc	Mùi, vị		pH	Chỉ số Permanganat	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)
				CFU/ 100ml	CFU/ 100ml	mg/L	mg/L	NTU	TCU				mg/L	mg/L
			Giới hạn cho phép	< 3	< 1	0,01	0,2 - 1,0	2	15	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6 - 8,5	2	0,3
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(8)	(9)	(10)
		11/03/2025	Hộ Ngô Thị Lá, Ấp Bầu Dầu, xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,56	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,35	0,8	<0,03
25	Trạm CNTT Minh Hòa	11/03/2025	Trạm cấp nước xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,61	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,23	<0,5	<0,03
		11/03/2025	Hộ Nguyễn Thị Bích Hồng, Ấp Hòa Cường, xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,58	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,21	<0,5	<0,03
		11/03/2025	Hộ Nguyễn Văn Nhân, Ấp Hòa Hiệp, xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,54	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,18	<0,5	<0,03
26	Trạm CNTT Minh Thạnh	11/03/2025	Trạm cấp nước xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,61	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,53	0,8	<0,03
		11/03/2025	Hộ Nguyễn Văn Sửu, Ấp Đồng Sơn , xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,58	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,47	0,8	<0,03
		11/03/2025	Hộ Nguyễn Văn Dũng, Ấp Đồng Bè , xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,42	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,45	0,8	<0,03
27	Trạm CNTT Long Hòa	11/03/2025	Trạm cấp nước xã Long Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,65	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,32	0,8	<0,03
		11/03/2025	Hộ Đỗ Trung, Ấp Long Thọ, xã Long Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,57	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,52	0,8	<0,03
		11/03/2025	Hộ Bùi Minh Tú, Ấp Tân Hòa, xã Long Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,58	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,5	1,2	<0,03
28	Trạm CNTT Long Tân	11/03/2025	Trạm cấp nước xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,49	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,11	0,8	<0,03
		11/03/2025	Hộ Nguyễn Thị Trang, Ấp Long Chiêu, xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,47	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,17	0,8	<0,03

ST T	Tên công trình	Ngày lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Coliform	E.Coli	Asen (As)	Clo dư (Cl ₂)	Độ đục	Màu sắc	Mùi, vị		pH	Chỉ số Permanganat	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)
				CFU/ 100ml	CFU/ 100ml	mg/L	mg/L	NTU	TCU				mg/L	mg/L
			Giới hạn cho phép	< 3	< 1	0,01	0,2 - 1,0	2	15	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6 - 8,5	2	0,3
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(8)	(9)	(10)
		11/03/2025	Hộ Vũ Văn Ngội, Ấp Đồn Gánh, xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,42	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,08	0,8	<0,03
29	Trạm CNTT An Lập	10/03/2025	Trạm cấp nước xã An Lập, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,47	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,12	0,8	<0,03
		10/03/2025	Hộ Ngô Thị Thảo, Ấp Bàu Khai , xã An Lập, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,51	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,22	0,8	<0,03
		10/03/2025	Hộ Hồ Văn Hiền, Ấp Hố Cạn, xã An Lập, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	< 1	< 1	< 0,0003	0,49	< 0,5	< 3	Không có mùi lạ	Không có vị lạ	6,08	0,8	<0,03

Ghi chú: Dấu (-) là không thực hiện thử nghiệm